

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Đề án tuyển sinh Sau đại học năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Luật giáo dục Đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐT ngày 06/02/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Y khoa Vinh về việc phê duyệt phương án tuyển sinh sau đại học, đại học năm 2024.

Theo đề nghị của trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh sau đại học của trường ĐHYK Vinh (có đề án kèm theo).

Điều 2. Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2024 là căn cứ để tổ chức triển khai thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2024 của Trường ĐHYK Vinh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2024, các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- UBND tỉnh Nghệ An (b/c);
- BGH (để chỉ đạo)
- Như điều 3 (để thực hiện)
- QLKH&HTQT (đăng website)
- Lưu VT-SĐH



Nguyễn Văn Tuấn

Vinh, ngày 12 tháng 3 năm 2024

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024

(kèm theo Quyết định số 431/QĐ-ĐHYKV ngày 12/03/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Y khoa Vinh)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo

- Tên trường: Trường Đại học Y khoa Vinh

- Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược, hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.

- Địa chỉ: 161- Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <https://www.vmu.edu.vn>;

- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 023.83524622 - 0943344416 - 0912584133

- Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT

- Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Tầm nhìn đến năm 2030: Xây dựng Trường trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ cao đảm bảo chất lượng, là trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về y dược có uy tín.

Giá trị cốt lõi: "Chuyên nghiệp - Chất lượng - Hội nhập - Phát triển"

Triết lý giáo dục: "Tư duy, sáng tạo, nhân ái"

2. Quy mô đào tạo

TT	Chuyên ngành	Quy mô đào tạo	Hình thức và thời gian đào tạo
1	Thạc sĩ		
1.1	Y tế công cộng	40	Tập trung 2 năm

2	Chuyên khoa cấp I		
2.1	Nội khoa	90	Tập trung 2 năm
2.2	Nhi khoa	90	Tập trung 2 năm
2.3	Sản phụ khoa	40	Tập trung 2 năm
2.4	Tai mũi họng	60	Tập trung 2 năm

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

+ **Cơ sở 1:** Diện tích đất: 19.213,6 m², bao gồm: Nhà hiệu bộ; Nhà kỹ thuật thực hành; Nhà Giảng đường; Nhà thư viện;

Nhà Ký túc xá: diện tích 9.475 m² gồm nhà 5 tầng 104 phòng đủ chỗ ở 950 sinh viên

Nhà Đa năng

BV Trường Đại học Y khoa Vinh: Nhà Thực hành tiền lâm sàng 9 tầng; Bệnh viện 4 tầng

+ **Cơ sở 2:** Diện tích đất: 73.835,90 m².

Nhà giảng đường

Diện tích sàn xây dựng trực tiếp đào tạo:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích xây dựng (m ²)
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng làm việc	116	8195,2 m²
1.1.	Hội trường	02	882
1.2.	Phòng học lớn trên 200 chỗ	01	130
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	36	1.843
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	9	580
1.4.	Phòng học dưới 50 chỗ	10	800
1.5.	Phòng học đa phương tiện	13	2.565
1.6.	Phòng làm việc (GS, PGS, GV cơ hữu)	45	1.395,2
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	01	2.565 m²
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập		5.620 m²
3.1.	Khu thực hành, thí nghiệm	24	1.769
3.2.	Bệnh viện trường ĐHYK Vinh	01	3.851